

**KẾT QUẢ THI VÒNG 2**  
**KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ NĂM 2025**  
**CHỨC DANH: GIÁO VIÊN CẤP THCS**

*(Kèm theo Quyết định số 5201/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2025 của UBND thành phố Thái Nguyên)*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghị vụ phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
1	770	Đinh Thị Thúy Mị	14/10/1993	Nữ	Mường	Đại học	Sư phạm Âm nhạc		Giáo viên Âm nhạc	Dân tộc thiểu số	66,5	5	71,5	Trúng tuyển
2	769	La Văn Bình	03/6/1979	Nam	Kinh	Đại học	Sư phạm âm nhạc		Giáo viên Âm nhạc	Không				Bỏ thi
3	785	Thái Sơn Hà	30/07/1985	Nam	Kinh	Đại học	Giáo dục thể chất	Cao đẳng sư phạm Sinh - Thể dục	Giáo viên giáo dục thể chất	Không	94,5		94,5	Trúng tuyển
4	786	Nguyễn Thị Hạnh	07/01/1987	Nữ	Sán Dìu	Đại học	Sư phạm Thể dục thể thao		Giáo viên Giáo dục thể chất	Dân tộc thiểu số	85,5	5	90,5	
5	783	Lường Văn Biền	31/10/2002	Nam	Tày	Đại học	Giáo dục thể chất		Giáo viên Giáo dục thể chất	Dân tộc thiểu số	49,5	5	54,5	
6	784	Hoàng Văn Công	07/01/1995	Nam	Tày	Đại học	Giáo dục thể chất		Giáo viên giáo dục thể chất	Dân tộc thiểu số				Bỏ thi
7	787	Nguyễn Huy Hoàn	25/01/1999	Nam	Kinh	Đại học	Giáo dục thể chất		Giáo viên giáo dục thể chất	Không				Bỏ thi

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
8	788	Nguyễn Huy Hoàng	01/01/2001	Nam	Kinh	Đại học	Giáo dục thể chất		Giáo viên giáo dục thể chất	Không				Bỏ thi
9	754	Đặng Thị Thùy Trang	01/12/1991	Nữ	Kinh	Đại học	Hóa học	Cao đẳng sư phạm Sinh - Hóa	Giáo viên Hóa học	Không	95,5		95,5	Trúng tuyển
10	741	Dương Thị Hường	11/8/1995	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học		Giáo viên Hóa học	Không	90,0		90	Trúng tuyển
11	746	Lê Minh Ngọc	14/8/1996	Nam	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học		Giáo viên Hóa học	Không	89,0		89	
12	747	Nguyễn Thị Hà Phương	27/10/1998	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm Hóa học		Giáo viên Hóa học	Dân tộc thiểu số	84,0	5	89	
13	750	Nguyễn Thị Minh Tâm	09/08/1996	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Hóa phân tích	Đại học Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa học	Không	82,5		82,5	
14	739	Nguyễn Thị Hương	15/3/1997	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học		Giáo viên Hóa học	Không	81,0		81	
15	748	Nguyễn Thị Phương	14/12/2001	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Hoá Học		Giáo viên Hóa học	Không	76,5		76,5	
16	744	Hoàng Thu Loan	10/09/1987	Nữ	Tày	Đại học	Hóa học		Giáo viên Hóa học	Dân tộc thiểu số	63,5	5	68,5	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
17	749	Bê Thanh Sâm	02/10/1988	Nữ	Nùng	Đại học	Hóa phân tích	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Hóa học	Dân tộc thiểu số	62,0	5	67	
18	743	Nguyễn Thị Vân Huyền	10/03/1991	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Hoá Học		Giáo viên Hóa học	Không	66,5		66,5	
19	738	Bùi Thanh Giang	04/03/1996	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Hoá vô cơ	Đại học sư phạm Hoá	Giáo viên Hóa học	Không	66,0		66	
20	745	Lê Thị Mai Ngân	09/02/1998	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Hoá Học		Giáo viên Hóa học	Không	63,5		63,5	
21	753	Đoàn Thị Kim Thương	10/01/1998	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học		Giáo viên Hóa học	Không	53,0		53	
22	755	Trần Anh Tú	15/5/1998	Nam	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học		Giáo viên Hóa học	Không	50,0		50	
23	737	Phạm Thị Dung Anh	25/01/1989	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Vật liệu và hóa học nano	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Hóa học	Không				Bỏ thi
24	740	Nguyễn Thị Sông Hương	21/06/2000	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Hoá Học		Giáo viên Hóa học	Không				Bỏ thi

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
25	742	Ma Thị Hương	01/05/1990	Nữ	Tày	Đại học	Hóa học	Cao đẳng sư phạm Sinh - Hóa	Giáo viên Hóa học	Dân tộc thiểu số				Bỏ thi
26	751	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/06/1994	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học		Giáo viên Hóa học	Không				Bỏ thi
27	752	Dương Thị Thoa	10/8/1993	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Hóa phân tích	Đại học sư phạm hóa	Giáo viên Hóa học	Không				Bỏ thi
28	722	Đỗ Thùy Dương	15/03/1998	Nữ	Sán dùu	Đại học	Sư phạm Khoa học Tự nhiên		Giáo viên Khoa học tự nhiên	Dân tộc thiểu số	80,5	5	85,5	Trúng tuyển
29	724	Đặng Thái Hà	22/02/1998	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Khoa học Tự nhiên		Giáo viên Khoa học tự nhiên	Không	83,5		83,5	Trúng tuyển
30	732	Đặng Thị Kim Oanh	12/07/1988	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Khoa học Tự nhiên		Giáo viên Khoa học tự nhiên	Không	82,5		82,5	Trúng tuyển
31	725	Mông Thúy Hè	13/05/2002	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm Khoa học Tự nhiên		Giáo viên Khoa học tự nhiên	Dân tộc thiểu số	73,5	5	78,5	Trúng tuyển
32	736	Nguyễn Thị Uyên	18/12/1992	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm Khoa học Tự nhiên		Giáo viên Khoa học tự nhiên	Dân tộc thiểu số	66,0	5	71	
33	718	Đặng Mai Trang	30/01/2001	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Không	94,0		94	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
34	704	Hoàng Thị Kính	17/08/1996	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Dân tộc thiểu số	82,0	5	87	Trúng tuyển
35	712	Đào Ngọc Tân	15/10/1998	Nam	Kinh	Đại học	Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Không	85,0		85	Trúng tuyển
36	717	Vũ Thị Thu Trang	22/12/1994	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Không	85,0		85	Trúng tuyển
37	719	Dương Minh Uyên	07/8/1995	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Không	81,0		81	
38	715	Nguyễn Quỳnh Trang	20/8/2002	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Lịch sử - Địa lý		Giáo viên Lịch sử	Không	76,5		76,5	
39	706	Hoàng Thị Hương Lan	12/08/1994	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Không	76,0		76	
40	702	Dương Quốc Hưng	11/4/1995	Nam	Kinh	Đại học	Lịch sử	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Lịch sử	Không	75,0		75	
41	709	Lý Thị Kim Loan	05/11/2002	Nữ	Nùng	Đại học	Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Dân tộc thiểu số	70,0	5	75	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
42	705	Dương Thị Phương Lan	20/12/1994	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Dân tộc thiểu số	66,0	5	71	
43	692	Đặng Thị Ngọc Ánh	17/08/2002	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Lịch Sử		Giáo viên Lịch sử	Không	70,0		70	
44	696	Nông Lệ Giang	14/06/1992	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm Lịch Sử		Giáo viên Lịch sử	Dân tộc thiểu số	65,0	5	70	
45	699	Ma Thị Thu Hà	06/10/1993	Nữ	Tày	Thạc sỹ	Lịch Sử	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Lịch sử	Dân tộc thiểu số	64,5	5	69,5	
46	714	Đinh Thị Thương	19/10/1997	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Dân tộc thiểu số	62,0	5	67	
47	703	Ninh Thu Hương	25/07/1996	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Không	65,0		65	
48	710	Cao Thị Nhung	09/11/1991	Nữ	Kinh	Thạc Sỹ	Lịch sử Việt Nam	Đại học sư phạm Lịch sử	Giáo viên Lịch sử	Không	59,0		59	
49	700	Nguyễn Thị Hoa	22/09/1994	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Không	58,5		58,5	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
50	713	Đào Thị Thảo	15/9/1994	Nữ	Tày	Đại học	Lịch sử	Chứng chỉ Giáo viên Lịch sử cấp THCS	Giáo viên Lịch sử	Dân tộc thiểu số	53,0	5	58	
51	693	Dương Văn Chính	13/01/1994	Nam	Kinh	Đại học	Lịch sử	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Lịch sử	Không				Bỏ thi
52	694	Phạm Minh Đức	23/6/1999	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Không				Bỏ thi
53	695	Nghiêm Văn Dương	20/08/1990	Nam	Nùng	Đại học	Sư phạm Lịch Sử		Giáo viên Lịch sử	Dân tộc thiểu số				Bỏ thi
54	697	Nguyễn Thị Hà	11/09/1994	Nữ	Nùng	Đại học	Sư phạm Lịch Sử		Giáo viên Lịch sử	Dân tộc thiểu số				Bỏ thi
55	698	Trương Thị Hà	07/8/1991	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Không				Bỏ thi
56	701	Lê Thế Hùng	20/02/1998	Nam	Kinh	Đại học	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Lịch sử	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự				Bỏ thi
57	707	Sầm Thị Linh	19/02/2000	Nữ	Dao	Đại học	Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Dân tộc thiểu số				Bỏ thi

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
58	708	Ngô Thị Liên	10/12/1992	Nữ	Kinh	Đại học	Lịch sử	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Lịch sử	Không				Bỏ thi
59	711	Trần Thị Soan	20/10/1992	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Không				Bỏ thi
60	716	Trần Thị Huyền Trang	03/9/2001	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Lịch sử		Giáo viên Lịch sử	Không				Bỏ thi
61	773	Chu Hồng Ngọc	27/7/1995	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Mỹ thuật		Giáo viên Mỹ thuật	Không	90,5		90,5	Trúng tuyển
62	772	Dương Thị Kim	26/12/1988	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm mỹ thuật		Giáo viên Mỹ thuật	Không	74,0		74	Trúng tuyển
63	774	Lý Thị Tiên	11/3/1993	Nữ	Nùng	Đại học	Sư phạm Mỹ Thuật		Giáo viên Mỹ Thuật	Dân tộc thiểu số	49,0	5	54	
64	771	Nguyễn Thu Hằng	15/09/1996	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Mỹ Thuật		Giáo viên Mỹ Thuật	Không	46,5		46,5	
65	661	Lăng Thị Xá	03/05/1991	Nữ	Nùng	Thạc sỹ	Ngôn ngữ Việt Nam	Đại học sư phạm Văn - Địa	Giáo viên Ngữ văn	Dân tộc thiểu số	91,0	5	96	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
66	614	Nguyễn Thu Hiền	24/01/1996	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Không	95,0		95	Trúng tuyển
67	657	Phạm Trần Đức Tiến	06/01/1999	Nam	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn		Giáo viên Ngữ văn	Không	95,0		95	Trúng tuyển
68	595	Lê Thị Ngọc Anh	26/8/1992	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Văn - Địa		Giáo viên Ngữ văn	Không	93,5		93,5	Trúng tuyển
69	640	Lê Thị Khánh Mai	23/03/1998	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Không	93,0		93	Trúng tuyển
70	651	Trần Thị Phương Thảo	16/01/1999	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Lý luận và phương pháp dạy bộ môn Văn và tiếng việt	Đại học sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Ngữ văn	Không	93,0		93	Trúng tuyển
71	623	Trần Lan Hương	02/01/2000	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Không	92,0		92	Trúng tuyển
72	647	Dương Thị Quỳnh	21/09/1994	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Không	92,0		92	Trúng tuyển
73	597	Phạm Quỳnh Anh	08/01/2002	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Không	91,0		91	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
74	660	Lê Thị Bích Việt	26/03/1992	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Không	91,0		91	
75	600	Đào Thu Chang	28/02/1986	Nữ	Sán Dìu	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Dân tộc thiểu số	85,5	5	90,5	
76	604	Nguyễn Văn Đước	31/5/1993	Nam	Kinh	Thạc sỹ	Văn học Việt Nam	Đại học sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Ngữ văn	Không	90,0		90	
77	645	Tăng Thị Phương	25/03/1995	Nữ	Sán Chay	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn		Giáo viên Ngữ văn	Dân tộc thiểu số	85,0	5	90	
78	634	Lê Thị Lộc	21/3/1999	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn		Giáo viên Ngữ văn	Không	89,0		89	
79	654	Trần Thị Thảo	08/8/1991	Nữ	Sán dìu	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Dân tộc thiểu số	84,0	5	89	
80	624	Phạm Thu Hương	16/9/1992	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Văn Địa		Giáo viên Ngữ văn	Không	87,0		87	
81	619	Nông Minh Huế	02/10/1998	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn		Giáo viên Ngữ văn	Dân tộc thiểu số	81,5	5	86,5	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
82	653	Nguyễn Thị Thu Thảo	20/7/1997	Nữ	Kinh	Thạc Sỹ	Văn học Việt Nam	Đại học sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Ngữ văn	Không	86,0		86	
83	601	Dương Tuệ Đan	27/02/2002	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Không	85,0		85	
84	608	Vương Thị Thái Hà	12/02/1991	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Không	83,0		83	
85	652	Đinh Thị Thảo	10/07/1992	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Không	82,0		82	
86	611	Đinh Thị Hạnh	27/3/1996	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn		Giáo viên Ngữ văn	Không	81,0		81	
87	639	Dương Thị Mai	19/08/2002	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn		Giáo viên Ngữ văn	Không	81,0		81	
88	605	Vũ Thị Thùy Dương	22/5/1993	Nữ	Kinh	Đại học	Văn học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Ngữ văn	Không	80,0		80	
89	649	Nguyễn Thị Tài	13/10/1991	Nữ	Tày	Thạc sỹ	Văn học Việt Nam		Giáo viên Ngữ văn	Dân tộc thiểu số	75,0	5	80	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
90	637	Hà Hải Linh Ly	18/12/1994	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Dân tộc thiểu số	74,0	5	79	
91	607	Lê Hồng Duyên	09/04/2002	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Không	78,0		78	
92	644	Nguyễn Thị Kim Phụng	01/5/1997	Nữ	Kinh	Thạc Sĩ	Văn học Việt Nam	Đại học sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Ngữ văn	Không	78,0		78	
93	635	Phạm Thị Hương Ly	13/12/1995	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Không	77,5		77,5	
94	620	Phạm Thị Thu Hương	17/10/1995	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Không	77,0		77	
95	631	Trần Thùy Linh	07/05/2002	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn		Giáo viên Ngữ văn	Không	75,5		75,5	
96	602	Đặng Tiến Đạt	01/7/1997	Nam	Sán Dìu	Đại học	Sư phạm ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Dân tộc thiểu số	70,0	5	75	
97	613	Nguyễn Thị Thu Hiền	17/9/1993	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Không	75,0		75	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
98	633	Lý Thị Linh	03/11/1994	Nữ	Sán Dìu	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Dân tộc thiểu số	70,0	5	75	
99	646	Nguyễn Thị Quyên	01/07/1994	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn		Giáo viên Ngữ văn	Không	74,0		74	
100	596	Nguyễn Lan Anh	10/02/1999	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn		Giáo viên Ngữ văn	Không	72,0		72	
101	655	Nguyễn Thị Thiều	02/10/1987	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm Văn-Giáo dục công dân		Giáo viên Ngữ văn	Dân tộc thiểu số	63,0	5	68	
102	636	Nguyễn Đoàn Diệu Ly	17/08/1999	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Không	66,0		66	
103	630	Đỗ Thùy Linh	30/04/2001	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Không	64,0		64	
104	659	Đào Thị Bảo Vân	02/12/1995	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Không	63,5		63,5	
105	615	Nguyễn Phương Hoa	24/9/1993	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn		Giáo viên Ngữ văn	Con đẻ của người kháng	58,0	5	63	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
106	627	Nguyễn Thị Huyền	02/11/1991	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Lý luận và phương pháp dạy môn Văn - Tiếng Việt	Đại học sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Ngữ văn	Không	63,0		63	
107	598	Lục Thị Lan Anh	01/03/1998	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Dân tộc thiểu số	56,5	5	61,5	
108	628	Nông Thị Huyền	18/4/1999	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Dân tộc thiểu số	55,0	5	60	
109	656	Triệu Thị Linh Thu	30/10/2002	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Dân tộc thiểu số	54,0	5	59	
110	618	Trần Thu Hồng	22/12/2000	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn		Giáo viên Ngữ văn	Không	56,5		56,5	
111	616	Lăng Thị Hòa	06/7/1994	Nữ	Nùng	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn		Giáo viên Ngữ văn	Dân tộc thiểu số	32,5	5	37,5	
112	599	Phan Thị Ngọc Ánh	02/02/1996	Nữ	Tày	Thạc sỹ	Lý luận phương pháp dạy bộ môn Văn - Tiếng	Đại học sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Ngữ văn	Dân tộc thiểu số				Bỏ thi
113	603	Muru Thị Quỳnh Dư	02/03/1993	Nữ	Sán Dìu	Đại học	Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Dân tộc thiểu số				Bỏ thi

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
114	606	Lý Thị Mai Duyên	19/11/1990	Nữ	Nùng	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Dân tộc thiểu số				Bỏ thi
115	609	Nguyễn Thị Hà	23/11/1993	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Ngôn ngữ Việt Nam	Đại học sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Ngữ văn	Không				Bỏ thi
116	610	Bùi Tiến Hải	26/04/1986	Nam	Mường	Thạc sỹ	Văn học Việt Nam	Đại học sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Ngữ văn	Dân tộc thiểu số				Bỏ thi
117	612	Phùng Thị Hạnh	02/12/1995	Nữ	Nùng	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn		Giáo viên Ngữ văn	Dân tộc thiểu số				Bỏ thi
118	617	Tạ Thị Hoà	05/09/1988	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn		Giáo viên Ngữ văn	Không				Bỏ thi
119	621	Lê Thị Lan Hương	17/03/1997	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Văn học Việt Nam	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Ngữ văn	Không				Bỏ thi
120	622	Lê Thị Hương	12/12/1990	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Văn - Địa		Giáo viên Ngữ văn	Không				Bỏ thi
121	625	Nguyễn Thị Hường	16/4/1994	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Không				Bỏ thi

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
122	626	Mạ Thị Thu Huyền	04/3/1990	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Dân tộc thiểu số				Bỏ thi
123	632	Trần Thị Thùy Linh	05/11/1996	Nữ	Kinh	Đại học	Văn học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Ngữ văn	Không				Bỏ thi
124	638	Nguyễn Khánh Ly	05/09/1996	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Dân tộc thiểu số				Bỏ thi
125	641	Trần Thị Nga	10/08/1992	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Không				Bỏ thi
126	642	Hoàng Hà Ngân	01/01/1997	Nữ	Tày	Thạc sỹ	Ngôn ngữ Việt Nam	Đại học sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Ngữ văn	Dân tộc thiểu số				Bỏ thi
127	643	Nguyễn Thị Anh Ngọc	17/07/1993	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Ngữ văn	Đại học sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Ngữ văn	Không				Bỏ thi
128	648	Ngọc Như Quỳnh	18/01/2001	Nữ	Dao	Đại học	Sư phạm ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Dân tộc thiểu số				Bỏ thi
129	650	Hoàng Đức Thái	16/06/1989	Nam	Nùng	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên Ngữ văn	Dân tộc thiểu số				Bỏ thi

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
130	658	Triệu Thị Trang	18/10/1992	Nữ	Dao	Đại học	Sư phạm Văn-Địa		Giáo viên Ngữ văn	Dân tộc thiểu số				Bỏ thi
131	757	Ngô Thị Hà	02/05/1997	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Sinh học		Giáo viên Sinh học	Không	97,0		97	Trúng tuyển
132	760	Hoàng Thị Mai	26/09/1997	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm Sinh học		Giáo viên Sinh học	Dân tộc thiểu số	90,5	5	95,5	
133	765	Nguyễn Thị Kiều Trang	28/11/1997	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Sinh học		Giáo viên Sinh học	Không	90,0		90	
134	761	Trần Trọng Nghĩa	28/02/1993	Nam	Sán Dìu	Đại học	Sư phạm Sinh học		Giáo viên Sinh học	Dân tộc thiểu số	83,5	5	88,5	
135	766	Hoàng Thị Kiều Trang	24/07/1992	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm Sinh học		Giáo viên Sinh học	Dân tộc thiểu số	80,5	5	85,5	
136	767	Đặng Thị Hồng Tươi	14/09/2003	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Sinh học		Giáo viên Sinh học	Không	82,5		82,5	
137	768	Trần Thị Thanh Vân	31/08/1992	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Sinh học		Giáo viên Sinh học	Không	81,0		81	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
138	762	Đào Minh Phúc	13/07/1985	Nam	Kinh	Thạc sỹ	Lý luận và phương pháp dạy bộ môn Sinh học	Đại học sư phạm kỹ thuật nông nghiệp	Giáo viên Sinh học	Không	80,25		80,25	
139	759	Nguyễn Thị Hồng	13/05/1995	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Sinh học		Giáo viên Sinh học	Không	74,0		74	
140	758	Ngô Thị Hằng	06/10/1988	Nữ	Kinh	Thạc Sĩ	Lý luận và phương pháp dạy bộ môn Sinh học	Đại học sư phạm kỹ thuật nông nghiệp	Giáo viên Sinh học	Không	65,5		65,5	
141	756	Phạm Hải Đăng	07/10/2002	Nam	Kinh	Đại học	Sư phạm Sinh học		Giáo viên Sinh học	Không	63,0		63	
142	764	Nguyễn Thị Huyền Trang	19/6/1988	Nữ	Kinh	Đại học	Sinh học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Sinh học	Không	51,0		51	
143	763	Nguyễn Phương Thảo	24/4/2002	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Sinh học		Giáo viên Sinh học	Không				Bỏ thi
144	675	Hoàng Lê Thanh Huyền	21/01/2001	Nữ	Nùng	Đại học	Sư phạm tiếng anh		Giáo viên Tiếng anh	Dân tộc thiểu số	98,5	5	103,5	Trúng tuyển
145	683	Nguyễn Trà My	10/09/1997	Nữ	Kinh	Đại học	Ngôn ngữ anh	chứng chỉ nghiệp vụ Sư phạm	Giáo viên Tiếng anh	Không	97,5		97,5	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
146	664	Đinh Thị Hải Anh	13/02/1997	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm tiếng anh		Giáo viên Tiếng anh	Không	96,0		96	Trúng tuyển
147	690	Bùi Đắc Trung	05/09/1997	Nam	Nùng	Đại học	Sư phạm Tiếng anh		Giáo viên Tiếng anh	Dân tộc thiểu số	91,0	5	96	Trúng tuyển
148	663	Đặng Thị Ngọc Anh	16/11/1999	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng anh	Không	95,0		95	
149	678	Trần Mai Linh	07/10/2002	Nữ	Sán Dìu	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng anh	Dân tộc thiểu số	85,0	5	90	
150	681	Lê Trần Khánh Ly	31/10/2002	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng anh	Không	85,5		85,5	
151	682	Trần Thảo My	16/9/1994	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm tiếng Anh		Giáo viên Tiếng anh	Không	85,5		85,5	
152	687	Đào Văn Tiên	05/7/1994	Nam	Kinh	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tiếng anh	Không	84,5		84,5	
153	662	Lê Thảo Anh	02/7/2002	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng anh	Không	84,0		84	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
154	670	Đặng Xuân Hồng	13/07/1997	Nam	Kinh	Thạc sỹ	Lý luận và phương pháp dạy bộ môn Tiếng anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tiếng anh	Không	84,0		84	
155	669	Dương Thị Hoàng	26/06/1998	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm tiếng anh		Giáo viên Tiếng anh	Không	77,0		77	
156	688	Phạm Hà Trang	15/10/2002	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng anh	Không	76,5		76,5	
157	680	Thân Thị Phương Loan	30/12/2001	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm tiếng anh		Giáo viên Tiếng anh	Không	76,0		76	
158	668	Đinh Thu Hoài	26/06/2001	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm tiếng anh		Giáo viên Tiếng anh	Không	75,0		75	
159	665	Lê Quỳnh Anh	07/10/1997	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm tiếng anh		Giáo viên Tiếng anh	Không	74,5		74,5	
160	671	Hoàng Lan Hương	08/05/1999	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm tiếng anh		Giáo viên Tiếng anh	Dân tộc thiểu số	69,5	5	74,5	
161	674	Nguyễn Thị Thu Huyền	04/4/1999	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm tiếng Anh		Giáo viên Tiếng anh	Không	72,75		72,75	
162	684	Phan Thị Kim Ngân	09/11/2002	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm tiếng anh		Giáo viên Tiếng anh	Không	70,5		70,5	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
163	686	Nguyễn Thị Thùy	12/06/1993	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm song ngữ Trung - Anh		Giáo viên Tiếng anh	Không	70,0		70	
164	679	Lục Quỳnh Linh	13/11/1999	Nữ	Nùng	Đại học	Sư phạm tiếng anh		Giáo viên Tiếng anh	Dân tộc thiểu số	64,0	5	69	
165	673	Hoàng Lê Huy	20/01/2001	Nam	Tày	Đại học	Sư phạm tiếng anh		Giáo viên Tiếng anh	Dân tộc thiểu số	58,0	5	63	
166	666	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	07/8/2000	Nữ	Kinh	Đại học	Ngôn ngữ anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tiếng anh	Không	62,0		62	
167	677	Trần Thị Linh	12/6/1990	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm tiếng Anh		Giáo viên Tiếng anh	Không	61,0		61	
168	685	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	16/9/1999	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm tiếng Anh		Giáo viên Tiếng anh	Không	55,0		55	
169	676	Nguyễn Thị Linh	10/02/1999	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm tiếng Anh		Giáo viên Tiếng anh	Không	35,0		35	
170	667	Bùi Thị Phương Chi	13/06/1991	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên Tiếng anh	Không				Bỏ thi
171	672	Hoàng Lan Hương	02/09/1999	Nữ	Kinh	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tiếng anh	Không				Bỏ thi

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
172	689	Nguyễn Huyền Trang	27/12/1999	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm tiếng anh		Giáo viên Tiếng anh	Không				Bỏ thi
173	691	Trần Thị Yên	10/04/1995	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm tiếng anh		Giáo viên Tiếng anh	Không				Bỏ thi
174	777	Bùi Văn Hùng	28/02/1995	Nam	Kinh	Đại học	Sư phạm Tin học		Giáo viên Tin học	Không	99,0		99	Trúng tuyển
175	779	Nguyễn Thị Phúc	12/12/1986	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm kỹ thuật tin học		Giáo viên Tin học	Không	94,0		94	Trúng tuyển
176	775	Đoàn Thế Anh	29/10/1984	Nam	Kinh	Đại học	Công nghệ thông tin	Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tin học	Không	81,0		81	Trúng tuyển
177	782	Nguyễn Thị Thu Thúy	03/01/1986	Nữ	Kinh	Đại học	Công nghệ thông tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tin học	Không	76,0		76	Trúng tuyển
178	780	Lê Thị Quỳnh	25/3/1988	Nữ	Kinh	Đại học	Công nghệ thông tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tin học	Không	73,0		73	Trúng tuyển
179	776	Nguyễn Thị Huệ	10/10/1996	Nữ	Kinh	Đại học	Công nghệ thông tin	Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tin học	Không				Bỏ thi
180	778	Hồ Thị Hương	15/10/1995	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Tin		Giáo viên Tin học	Không				Bỏ thi

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
181	781	Nguyễn Thị Phương Thảo	24/7/1996	Nữ	Kinh	Đại học	Công nghệ thông tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tin học	Không				Bỏ thi
182	591	Long Thị Thùy Vân	12/11/1994	Nữ	Nùng	Đại học	Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Dân tộc thiểu số	92,0	5	97	Trúng tuyển
183	513	Trần Thị Tú Anh	23/5/1993	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Toán giải tích	Đại học sư phạm Toán học	Giáo viên Toán học	Không	95,0		95	Trúng tuyển
184	557	Nguyễn Thị Nhung	02/02/1994	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Không	95,0		95	Trúng tuyển
185	582	Lý Thị Kiều Trang	25/04/1996	Nữ	Nùng	Đại học	Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Dân tộc thiểu số	89,0	5	94	Trúng tuyển
186	525	Vũ Việt Bình	04/8/1994	Nam	Kinh	Thạc sỹ	Toán ứng dụng	Đại học sư phạm toán	Giáo viên Toán học	Không	93,0		93	Trúng tuyển
187	526	Nguyễn Quốc Cường	25/7/1986	Nam	Kinh	Thạc sỹ	Toán giải tích	Đại học sư phạm toán học	Giáo viên Toán học	Không	93,0		93	Trúng tuyển
188	577	Nguyễn Thị Thúy	04/7/1996	Nữ	Kinh	Thạc Sỹ	Toán giải tích	Đại học sư phạm Toán	Giáo viên Toán học	Không	93,0		93	Trúng tuyển
189	562	Trần Thị Hồng Quý	27/10/1999	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Đại học và lý thuyết số	Đại học Sư phạm Toán	Giáo viên Toán học	Không	91,5		91,5	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
190	538	Ngô Trí Hưng	27/05/1998	Nam	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán		Giáo viên Toán học	Không	91,0		91	Trúng tuyển
191	547	Ngô Thùy Linh	10/8/1990	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Toán ứng dụng	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Toán học	Không	90,0		90	
192	520	Đỗ Thị Lan Anh	25/11/1995	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm toán học		Giáo viên Toán học	Không	89,0		89	
193	530	Trần Võ Thùy Dương	22/08/2002	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm toán học		Giáo viên Toán học	Không	89,0		89	
194	548	Nguyễn Vũ Thùy Linh	16/6/1995	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Toán giải tích	Đại học sư phạm Toán học	Giáo viên Toán học	Không	87,0		87	
195	583	Nguyễn Kiều Trang	06/11/1996	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Không	87,0		87	
196	568	Nguyễn Duy Thành	07/03/2000	Nam	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Không	86,0		86	
197	576	Nguyễn Minh Thùy	20/3/1998	Nữ	Tày	Thạc sỹ	Toán giải tích	Đại học sư phạm Toán	Giáo viên Toán học	Dân tộc thiểu số	80,0	5	85	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
198	536	Trần Thị Thanh Hồng	05/07/2002	Nữ	Sán Dìu	Đại học	Sư phạm toán học		Giáo viên Toán học	Dân tộc thiểu số	79,5	5	84,5	
199	569	Trần Thị Phương Thảo	25/10/2000	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm toán học		Giáo viên Toán học	Không	84,0		84	
200	561	Bùi Huy Quang	16/07/1991	Nam	Mường	Đại học	Sư phạm toán học		Giáo viên Toán học	Dân tộc thiểu số	77,5	5	82,5	
201	586	Dương Thị Thu Trang	17/7/1997	Nữ	Cao lan	Đại học	Sư phạm toán học		Giáo viên Toán học	Dân tộc thiểu số	77,5	5	82,5	
202	529	Phạm Thùy Dung	21/8/2002	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm toán học		Giáo viên Toán học	Không	82,0		82	
203	517	Trần Thị Mai Anh	30/6/2001	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Không	81,5		81,5	
204	518	Nguyễn Tuấn Anh	08/10/1996	Nam	Kinh	Đại học	Sư phạm toán học		Giáo viên Toán học	Không	81,5		81,5	
205	592	Thân Thị Vân	02/01/1998	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm toán học		Giáo viên Toán học	Không	80,0		80	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
206	511	Nguyễn Đức An	05/10/1998	Nam	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Không	79,0		79	
207	519	Lê Thị Quỳnh Anh	26/02/2001	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Không	78,0		78	
208	560	Hoàng Thị Phương	28/08/1992	Nữ	Nùng	Thạc sỹ	Ly luận và phương pháp dạy bộ môn toán	Sư phạm Toán - Lý	Giáo viên Toán học	Dân tộc thiểu số	72,5	5	77,5	
209	545	Dương Thùy Linh	29/07/1998	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Toán ứng dụng	Đại học Sư phạm toán	Giáo viên Toán học	Không	75,5		75,5	
210	549	Nguyễn Thị Loan	11/10/1993	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Dân tộc thiểu số	69,0	5	74	
211	563	Nguyễn Thị Lệ Quyên	12/03/2002	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán		Giáo viên Toán học	Không	74,0		74	
212	512	Ngô Thị An	19/09/1988	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán		Giáo viên Toán học	Không	73,75		73,75	
213	552	Phạm Thu Ngân	06/06/1999	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán		Giáo viên Toán học	Không	73,5		73,5	
214	539	Trịnh Thị Thu Hương	06/11/2002	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm toán học		Giáo viên Toán học	Không	73,0		73	
215	566	Nguyễn Thanh Tâm	26/3/1989	Nữ	Kinh	Thạc Sỹ	Toán giải tích	Đại học sư phạm Toán	Giáo viên Toán học	Không	72,0		72	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
216	551	Nguyễn Thu My	02/7/1995	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Toán giải tích	Đại học sư phạm Toán	Giáo viên Toán học	Không	71,0		71	
217	581	Phạm Quý Toàn	02/02/1997	Nam	Kinh	Thạc sỹ	Lý luận và phương pháp dạy bộ môn	Đại học sư phạm toán học	Giáo viên Toán học	Không	71,0		71	
218	523	Đoàn Thị Bắc	05/10/1995	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm toán học		Giáo viên Toán học	Không	70,0		70	
219	567	Nguyễn Thị Thắm	02/10/1994	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Không	70,0		70	
220	580	Trần Quang Tiến	13/02/2002	Nam	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán		Giáo viên Toán học	Không	69,5		69,5	
221	514	Nguyễn Ngọc Anh	16/10/2001	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán		Giáo viên Toán học	Không	68,0		68	
222	556	Hoàng Thị Nhung	20/9/1993	Nữ	Sán Dìu	Thạc Sỹ	Toán giải tích	Đại học sư phạm Toán học	Giáo viên Toán học	Dân tộc thiểu số	62,0	5	67	
223	593	Triệu Hoàng Việt	28/3/1987	Nam	Kinh	Đại học	Sư phạm toán học		Giáo viên Toán học	Con người hoạt động	62,0	5	67	
224	554	Lê Hồng Ngọc	16/11/1993	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Lý luận phương pháp Toán	Đại học sư phạm Toán học	Giáo viên Toán học	Không	66,0		66	
225	575	Đinh Thị Hồng Thương	14/02/1998	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Toán giải tích	Đại học sư phạm Toán	Giáo viên Toán học	Không	66,0		66	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
226	558	Trịnh Tú Oanh	14/5/2002	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Không	65,0		65	
227	542	Nguyễn Ngọc Huyền	05/02/1997	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Toán giải tích	Sư phạm Toán học	Giáo viên Toán học	Không	64,0		64	
228	559	Hoàng Văn Phương	03/10/1997	Nam	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Không	63,0		63	
229	573	Lê Anh Thư	14/09/2000	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm toán học		Giáo viên Toán học	Không	62,5		62,5	
230	574	Đặng Hoàng Anh Thư	26/5/1995	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm toán học		Giáo viên Toán học	Không	61,0		61	
231	587	Hoàng Thị Tú	12/4/1992	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm Toán		Giáo viên Toán học	Dân tộc thiểu số	55,0	5	60	
232	522	Phạm Ngọc Ánh	02/10/2001	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học		59,0		59	
233	572	Lê Thị Thảo	01/7/1996	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Không	58,0		58	
234	584	Phạm Thu Trang	02/05/2001	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Không	57,5		57,5	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
235	589	Ngô Thị Tố Uyên	14/10/1997	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán		Giáo viên Toán học	Không	57,0		57	
236	533	Nguyễn Thị Hằng	09/08/1995	Nữ	Kinh	Đại học	Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Toán học	Không	53,0		53	
237	540	Bùi Lan Hương	12/10/2000	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán		Giáo viên Toán học	Không	53,0		53	
238	565	Nguyễn Thị Quỳnh	25/6/1993	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Ly luận và phương pháp dạy bộ môn toán	Đại học sư phạm Toán	Giáo viên Toán học	Không	53,0		53	
239	594	Ngô Thị Hải Yên	16/02/1996	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Không	53,0		53	
240	571	Nguyễn Bích Thảo	23/03/2002	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán		Giáo viên Toán học	Không	48,5		48,5	
241	544	Hoàng Lệ	02/02/1994	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Dân tộc thiểu số	43,0	5	48	
242	531	Lê Ngô Mỹ Duyên	21/10/1998	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Toán ứng dụng	Đại học sư phạm Toán	Giáo viên Toán học	Không	47,0		47	
243	535	Đỗ Thị Thu Hiền	30/12/1996	Nữ	Kinh	Thạc Sỹ	Toán giải tích	Đại học sư phạm Toán	Giáo viên Toán học	Không	40,0		40	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
244	515	Đào Quang Anh	14/12/2001	Nam	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán		Giáo viên Toán học	Không				Bỏ thi
245	516	Nguyễn Tú Anh	03/3/2001	Nữ	Mường	Đại học	Sư phạm Toán		Giáo viên Toán học	Dân tộc thiểu số				Bỏ thi
246	521	Nguyễn Thị Anh	04/8/1990	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm toán học		Giáo viên Toán học	Dân tộc thiểu số				Bỏ thi
247	524	Đỗ Thị Bích	18/09/1997	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán		Giáo viên Toán học	Không				Bỏ thi
248	527	Dương Thùy Dung	10/12/1991	Nữ	Sán Chí	Đại học	Toán	Cao dẫn sư phạm Toán - Lý	Giáo viên Toán học	Dân tộc thiểu số				Bỏ thi
249	528	Nguyễn Thị Dung	24/10/1991	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Toán học ứng dụng	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Toán học	Không				Bỏ thi
250	532	Nguyễn Trịnh Thu Hà	20/11/1996	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm toán học		Giáo viên Toán học	Dân tộc thiểu số				Bỏ thi
251	534	Trần Thị Hồng Hạnh	08/9/1998	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán		Giáo viên Toán học	Không				Bỏ thi
252	537	Nguyễn Thị Huệ	05/03/2001	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm toán học		Giáo viên Toán học	Không				Bỏ thi

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
253	541	Nguyễn Thị Huyền	01/3/1994	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Không				Bỏ thi
254	543	Đặng Thị Ngọc Lan	15/09/1999	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Không				Bỏ thi
255	546	Nguyễn Hiền Linh	11/01/2002	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm toán học		Giáo viên Toán học	Không				Bỏ thi
256	550	Đinh Thị Thúy Mận	08/10/1989	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Không				Bỏ thi
257	553	Vũ Thị Ánh Ngọc	05/06/1990	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm toán học		Giáo viên Toán học	Không				Bỏ thi
258	555	Trần Thị Bích Ngọc	18/07/1994	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán học		Giáo viên Toán học	Không				Bỏ thi
259	564	Vũ Hương Quỳnh	06/01/1996	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm toán học		Giáo viên Toán học					Bỏ thi
260	570	Nguyễn Phương Thảo	18/6/1990	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm toán học		Giáo viên Toán học	Không				Bỏ thi
261	578	Lê Thị Thúy	05/04/1995	Nữ	Ngái	Đại học	Sư phạm Toán		Giáo viên Toán học	Dân tộc thiểu số				Bỏ thi

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
262	579	Nguyễn Thị Thủy	25/8/1993	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm toán học		Giáo viên Toán học	Không				Bỏ thi
263	585	Nguyễn Thu Trang	30/10/2002	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm toán học		Giáo viên Toán học	Không				Bỏ thi
264	588	Đình Huy Tùng	23/09/1995	Nam	Kinh	Đại học	Sư phạm toán học		Giáo viên Toán học	Không				Bỏ thi
265	590	Phan Thị Ánh Vân	14/11/1987	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Toán Giải tích	Đại học sư phạm toán	Giáo viên Toán học	Không				Bỏ thi
266	629	Lê Thị Huyền	14/10/1992	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Văn - Sử		Giáo viên Văn - Sử	Không	66,5		66,5	Trúng tuyển
267	720	Đỗ Thị Châm	08/06/1995	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật Lý		Giáo viên Vật lý	Không	91,5		91,5	Trúng tuyển
268	733	Lê Thị Thu Thảo	28/06/1994	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Vật lý Quang học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Vật lý	Không	88,0		88	Trúng tuyển
269	728	Vũ Thị Ngọc Lan	01/01/1985	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Lý luận và phương pháp dạy bộ môn	Đại học sư phạm Vật lý	Giáo viên Vật lý	Không	85,0		85	
270	723	Nguyễn Thị Hương Giang	13/08/1992	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Dân tộc thiểu số	79,0	5	84	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ	Chuyên ngành	Nghịệp vụ sư phạm	Vị trí tuyển dụng	Ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
271	721	Dương Thùy Diễm	04/01/1994	Nữ	Tày	Đại học	Sư phạm Vật Lý		Giáo viên Vật lý	Dân tộc thiểu số	77,5	5	82,5	
272	727	Dương Thị Lan	18/11/2001	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật Lý		Giáo viên Vật lý	Không	80,0		80	
273	729	Hoàng Thị Thảo Ngân	22/09/1996	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật Lý		Giáo viên Vật lý	Không	75,0		75	
274	726	Trần Thị Hương	02/5/1992	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Không	61,0		61	
275	734	Bùi Thị Trang	22/02/1998	Nữ	Kinh	Thạc sỹ	Vật lý Vật chất rắn	Đại học sư phạm Vật lý	Giáo viên Vật lý	Không	58,5		58,5	
276	730	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	10/07/1999	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Không				Bỏ thi
277	731	Trần Thị Hồng Nhung	01/01/1998	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Không				Bỏ thi
278	735	Nguyễn Thị Thu Trang	11/8/1997	Nữ	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý		Giáo viên Vật lý	Không				Bỏ thi











i





















































